| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ Đ**<br>TỈNH L | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 15/2021/QĐST -HNGĐ | *Đ L, ngày 19 tháng 01 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 817/2020/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 giữa:

*Nguyên đơn*: Chị Võ Thị Kim T, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số 68A, đường V, Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh L.

*Bị đơn*: Anh Trịnh Xuân N, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Số 2, đường Đ, Phường B, thành phố Đ, tỉnh L.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 01 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị Kim T và anh Trịnh Xuân N.

2.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Kim T và anh Trịnh Xuân N thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Võ Thị Kim T và anh Trịnh Xuân N xác định vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Hoàng H, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2009, ly hôn chị T và

anh N thống nhất giao con chung Trịnh Hoàng H cho chị T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên. Anh N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 02/2021 đến khi con thành niên đủ 18 tuổi.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung: Chị T và anh N  xác định vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T và anh N xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Võ Thị Kim T thỏa thuận chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003465 ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi ành án dân sự thành phố Đà Lạt, chị T đã nộp đủ án phí.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh L;
- VKSND thành phố Đ;
- Thi hành án dân sự Tp Đ;
- UBND xã D'Ran, huyện Đ, tỉnh L;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

Đã ký

**Trần Thị Lan**